

## TÔNG CẢNH LỤC

## QUYỂN 67

Hỏi: Phàm tuy nói căn do ngã tướng khởi tận, đều là tình chấp thô trọng của ngoại đạo phàm phu, vậy thế nào là nhân của giáo bên trong tu hành, kiến của pháp vi tế?

Đáp: pháp chấp khó mất, lại là vi tế, vì pháp chấp là gốc, nhân chấp là ngọn, do đó pháp ái chẳng tận, đều là nhân của đảnh đọa, viên chứng Niết-bàn còn là giả của ngã kiến, như trong kinh Viên Giác nói: “Bồ-tát Tịnh Chư Nghiệp Chướng bạch Đức Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Đấng đại bi vì bọn chúng con rộng nói hàng tướng nhân hạnh của tất cả Như Lai, sự chẳng thể nghĩ bàn, khiến các đại chúng được điều chưa từng có, thấy đức điều ngự trải qua số kiếp như cát sông Hằng cảnh giới cần khổ, tất cả công dụng giống như một niệm, Bồ-tát chúng con rất tự mừng vui. Thế Tôn! Nếu giác tâm đây vốn luôn thanh tịnh, nhân nhiễm ô gì khiến các chúng sinh mê muội chẳng vào?” Cho đến Phật dạy: “Này thiện nam! Tất cả chúng sinh từ vô thủy lại vọng tưởng chấp có ngã nhân chúng sinh cùng với thọ mạng, nhận bốn điên đảo làm thể thật ngã, do đó bèn sinh hai cảnh mến ghét, ở thể hư vọng lại chấp hư vọng, hai vọng nương nhau sinh vọng nghiệp đọa, có vọng nghiệp nên vọng thấy lưu chuyển, nhằm chán lưu chuyển là vọng thấy Niết-bàn. Do đó chẳng thể vào giác thanh tịnh, chẳng phải giác chống trái các người năng vào, có các năng vào chẳng phải giác vào vậy, cho nên động niệm và cả dứt niệm đều quy về mê muội, tại sao? Do có vô thủy vốn khởi vô minh làm chủ thể mình, tất cả chúng sinh sinh mất không tuệ, tánh thân tâm v.v... đều là vô minh. Thí như có người chẳng tự đoạn mạng, cho nên thường biết có ái ngã đó, ngã cùng tùy thuận, chẳng phải tùy thuận đó, bèn sinh oán ghét. Làm tâm mến ghét dưỡng vô minh vậy, tương tục cầu đọa đều chẳng thành tựu. Này thiện nam! Thế nào là ngã tướng? Nghĩa là chỗ tâm các chúng sinh chứng đó. Này thiện nam! Thí như có người trăm thân đều thích hợp, chợt quên thân mình, bốn chi rời rã, gồm dưỡng trái phượng, lại thêm châm cứu thì biết có ngã, cho nên

chứng lấy mới hiện thể ngã. Nay thiện nam! Tâm đó cho đến chứng ở Như Lai rốt ráo rõ biết Niết-bàn thanh tịnh, đều là ngã tướng. Nay thiện nam! Thế nào là nhân tướng? Nghĩa là tâm các chúng sinh ngộ chứng đó. Nay thiện nam! Ngộ có ngã đó chẳng lại nhận ngã, chỗ ngộ chẳng phải ngã, ngộ cũng như vậy, ngộ đã vượt quá tất cả chứng đó, đều là nhân tướng. Nay thiện nam! Tâm đó cho đến viên ngộ Niết-bàn, đều là ngã đó, tâm còn ít ngộ đủ hết chứng lý đều gọi là nhân tướng. Nay thiện nam! Thế nào là chúng sinh tướng? Nghĩa là tâm chúng sinh tự chứng ngộ chỗ chẳng kịp đó. Nay thiện nam! Thí như có người nói là “ta là chúng sinh” thì biết người kia nói chúng sinh đó chẳng phải ngã chẳng phải kia, tại sao chẳng phải ngã? Ngã là chúng sinh thì chẳng phải là ngã, tại sao chẳng phải kia? Ngã là chúng sinh chẳng phải kia ngã vậy. Nay thiện nam! Chỉ các chúng sinh rõ chứng rõ ngộ đều là ngã nhân, mà tướng ngã nhân chỗ chẳng kịp đó, còn có chỗ rõ gọi là chúng sinh tướng. Nay thiện nam! Thế nào là thọ mạng tướng? Nghĩa là tâm các chúng sinh chiếu chỗ giác thanh tịnh rõ đó, tất cả nghiệp trí chỗ chẳng tự thấy giống như mạng căn. Nay thiện nam! Nếu tâm chiếu thấy tất cả giác đó đều là trần cấu, giác và chỗ giác chẳng lia trần vậy, như nước nóng tiêu băng, không riêng biệt có băng biết băng tiêu đó, còn ngã giác cũng là như thế. Nay thiện nam! Chúng sinh trong đời sau chẳng rõ bốn tướng tuy trải qua nhiều kiếp cần khổ tu đạo, chỉ gọi là hữu vi, trọn chẳng thể thành tất cả Thánh quả”. Ngã chấp pháp chấp đây kinh luận thiên tri, trợ nghiệp nhuận sinh thuận tình phát ái, ở trên thức thứ sáu, thứ bảy vọng khởi đầu mối, hưởng đến trong pháp căn trần cương làm chủ tể, bền chắc cương giới của dị sinh, làm đạo sư của phiền não, lập cội nguồn của sinh tử, tạo nền tảng của các khổ, hoại kho báu của chánh pháp, trái diệu tông của thành Phật, bít bến bờ cốt yếu của Niết-bàn, mù lòa mắt trí của Bát-nhã, chướng đường lớn của Bồ-đề, đoạn chánh nhân của giải thoát trái giác hợp trần không gì trước so với đây. Như trên rộng nêu dẫn bài bác rành rẽ, nguyện đoạn căn nghi ngờ, chóng tiêu băng chấp, thì chánh tu có đường, công chẳng luống mất, một niệm chứng chân toàn thành giác đạo.

Hỏi: Hạng người chẳng rõ duy thức vọng chấp ngã pháp, vậy bên trong của thánh giáo cơ sao lại nói có ngã pháp v.v...?

Đáp: Đối cơ giả thuyết, chẳng phải đồng tình chấp, giả có hai thứ: Một, không thể tùy tình giả, phần nhiều chỗ ngoại đạo thế gian chấp tuy không chỗ chấp ngã pháp kia, mà tùy tình tâm duyên cũng gọi là ngã pháp, nên nói là giả; hai, hữu thể thiết lập giả, chỗ thánh giáo nói

tuy có pháp thể mà chẳng phải ngã pháp, bản thể không danh, cưỡng gọi là ngã pháp, chẳng xứng pháp thể, tùy duyên mà thi thiết nên nói là giả. Lại phàm thánh luận chung ngã có sáu thứ: Một, chấp ngã, nghĩa là phân biệt câu sinh tại nơi phàm vị; hai, mạn ngã, nghĩa là chỉ câu sinh tại hữu học vị; ba, tập khí ngã nghĩa là hai ngã thói quen khác tại vô học vị; bốn, tùy thế lưu bố ngã, nghĩa là chư Phật v.v... tùy thế tục mà giả xưng; năm, tự tại ngã, nghĩa là tám tự tại v.v... trí hậu đắc của Đức Như Lai làm tánh; sáu chân ngã nghĩa là chân như thường lạc ngã tịnh v.v... lấy chân như làm tánh, xứng ngã trong viên thông ba thứ sau.

Hỏi: Thế nào là nghĩa không hai ngã?

Đáp: Nhân ngã kiến như sáu ấm bảy tình, rốt ráo không thể, pháp ngã kiến như nước lửa thành Càn-thác-bà, triệt để chỉ không, như kinh luận nói rõ hai không ngã là: Một, nhân không ngã, tiếng Phạm gọi là Bồ-đặc-già-la, Trung Hoa dịch nghĩa là số thủ thú, nghĩa là các hữu tình khởi hoặc tạo nghiệp, tức là năng thủ, sẽ đến năm thú, gọi đó là thú, tuy là luôn luôn khởi hoặc tạo nghiệp năm thú luân hồi, đều không chủ thể, dụng tự tại thật, nên gọi là không ngã; hai pháp không ngã, nghĩa là thể các pháp, tuy là nắm giữ quý sinh vật giải, cũng không thắng tánh dụng tự tại thật, nên gọi là không ngã.

Hỏi: Chấp có ngã kiến, tuy thuận chỗ duyên là thể điên đảo, tâm của không ngã thành thắng thiện nào?

Đáp: Rõ lý hai không ngã, chứng hiểu chân như, thì chánh tông của thành Phật, quy tắc mâu nhiệm siêu phàm, nếu luận về pháp lợi công đức khó lường, các bậc Cổ đức nói: “Tâm của không ngã tuy chẳng xứng cảnh, trái nghịch ở duyên, nên gọi là chẳng phải điên đảo, như duyên chân như, làm có như giải, tức là pháp chấp, nếu làm không giải tuy chẳng xứng như, nhưng nhân thành thánh”. Giải thích: Nếu làm như giải tức là pháp chấp là nếu khởi tâm của năng giải, tức lập lý của sở giải, cảnh sở đã lập, mê tâm hiện lượng, hiểu biết mới sinh bèn thành tỷ lượng đều là chấp pháp, mất tông duy thức. Do đó trong kinh Hoa Nghiêm nói: “Ngoài trí không như là chỗ trí nào, ngoài như không trí, năng chứng ở như, thì tâm cảnh như như, một đạo thanh tịnh”. Trong luận Quảng Bách Môn nói: “Thức năng phát sinh các phiền não, thức năng dẫn hậu hữu, thức tâm như vậy duyên sắc v.v... khởi, không chỗ duyên cảnh thức hẳn chẳng sinh, nếu năng chánh quán cảnh là không ngã, sở duyên không nên năng duyên cũng không, năng sở đã mất, các khổ tùy theo diệt, chứng tịch không ảnh, Niết-bàn thanh tịnh, lúc đến quả vị đây gọi là tự lợi mãn, có các bản nguyện vì lợi ích tha, trú trong

vị đây hóa dụng vô tận, cũng khiến hữu thức trú Niết-bàn đây”. Cho nên muốn cầu thắng lợi tự tha, phương tiện chân thật là nên chánh cần tu lý không ngã.

Hỏi: Trong kinh Niết-bàn, Phật nói có chân ngã, lý của Phật tánh, các Bồ-tát v.v... đều tỏ bày sám hối: “Chúng con từ vô lượng kiếp lại thường bị chỗ của không ngã dạt trôi”. Nay rộng nói không ngã, chẳng là trái với giáo của niết bàn chăng?

Đáp: Nay nói không ngã, nghĩa là phá hàng ngoại đạo phạm phu mê lý duy thức, vọng chấp ngoài tâm thật có ngã pháp, như chỗ ngoại đạo chấp, lược có ba hạng: Một, Tăng- khư v.v... chấp ngã thể thường, khắp cùng, lượng đồng hư không, tùy xứ tạo nghiệp, nhận thọ khổ lạc v.v...; Hai, Ni- càn- tử chấp ngã thể đó tuy thường mà lượng chẳng định, tùy thân lớn nhỏ, có cuộn buông vậy; Ba, Biến Xuất chấp ngã thể thường rất nhỏ nhiệm như một cực vi, ngấm chuyển trong thân tạo tác sự nghiệp vậy, ngoài ra có chín mươi thứ chỗ chấp ngã v.v... chẳng khác ba thứ vậy. Các loại vọng chấp đây đều không đạo lý, chỉ thành tà tư của năm kiến, đầu đồng chân ngã của bốn đức. Như trong kinh Niết-bàn nói: Ngoại đạo nói: “Như Cù-đàm nói không ngã ngã sở, bởi duyên gì mà lại nói thường lạc ngã tịnh” Phật dạy: “Này thiện nam! Ta cũng chẳng nói sáu nhập trong ngoài và sáu thức ý thường lạc ngã tịnh. Ta mới tuyên nói diệt nhập trong ngoài chỗ sinh sáu thức, gọi đó là thường, vì thường nên gọi đó là ngã, có thường ngã lạc nên gọi đó là tịnh”. Phạm chân ngã là nghĩa của Phật tánh, thường hằng chẳng biến, chẳng phải chỗ sinh của sinh nhân, đầy đủ viên thành, chỉ chỗ liễu của liễu nhân. Lại như trong kinh nói: “Bấy giờ Đức Thế Tôn tán thán các Tỳ-kheo lành thay! Lành thay! Các ông khéo năng tu tưởng không ngã”. Khi ấy các Tỳ-kheo liền bạch Phật rằng: “Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con chẳng chỉ tu tưởng không ngã, lại cũng tu tập các tướng khác đó, chỗ gọi là tướng khổ, tướng vô thường vô ngã. Thế Tôn! Thí như người say, tâm đó miên man, mờ thấy các thứ núi sông vách đá cây cỏ cung điện phòng nhà nhật nguyệt muôn sao v.v... thấy đều xoay chuyển. Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người chẳng tu tưởng khổ vô thường, tướng vô ngã v.v... người như vậy chẳng gọi là thánh, vì có lắm nhiều buông lung, lưu chuyển sinh tử. Bạch Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên đó mà chúng con khéo tu các tướng như vậy”. Khi ấy Phật bảo các Tỳ-kheo: “Hãy lắng nghe, lắng nghe! Chỗ vừa rồi các ông nêu dẫn người say làm thí dụ là chỉ biết văn tự, chưa đạt nghĩa đó, những gì là nghĩa? Như người say kia thấy trên nhật nguyệt chẳng phải xoay chuyển sinh tướng luân hồi,

chúng sinh cũng vậy, vì các phiền não chỗ vô minh khuất lấp sinh tâm điên đảo, ngã chấp không ngã, thường chấp không thường, tịnh chấp chẳng tịnh, lạc chấp là khổ, vì là chỗ phiền não che lấp vậy, tuy sinh tưởng đây mà chẳng đạt nghĩa đó, như người say kia đối với xứ chẳng chuyển mà sinh tưởng chuyển, ngã, nghĩa tức là thật, thường nghĩa là pháp thân, lạc, nghĩa là Niết-bàn, tịnh, nghĩa là pháp. Tỳ-kheo các ông cố sao mà nói có tướng ngã, là kiêu mạn cống cao lưu chuyển sinh tử, các ông nếu nói ngã cũng tu tập tướng vô thường khổ vô ngã v.v... là ba thứ tu không có thật nghĩa, nay ta sẽ nói thẳng ba pháp tu: Khổ chấp là lạc, lạc chấp là khổ, là pháp điên đảo, vô thường chấp là thường, thường chấp là không thường, là pháp điên đảo, không ngã chấp là ngã, ngã chấp là không ngã là pháp điên đảo. Bất định chấp là tịnh, tịnh chấp là bất tịnh, là pháp điên đảo, có bốn pháp điên đảo như vậy, là người chẳng biết chánh tu các pháp. Tỳ-kheo các ông, đối với trong pháp khổ, sinh ở tướng lạc, ở trong vô thường sinh tưởng ở thường, ở trong không ngã sinh tưởng ở ngã ở trong bất định sinh tưởng ở định, thế gian cũng có thường lạc ngã tịnh, xuất thế cũng có thường lạc ngã tịnh. Pháp thế gian là có chữ không nghĩa, pháp xuất thế là có chữ có nghĩa. Tại sao? Pháp của thế gian có bốn điên đảo nên chẳng biết nghĩa, tại sao? Có tướng đảo, tâm đảo và kiến đảo, vì ba đảo đó nên người của thế gian ở trong lạc thấy khổ, trong thường thấy không thường, trong ngã thấy không ngã, trong tịnh thấy không tịnh, đó gọi là điên đảo, vì điên đảo nên thế gian biết chữ mà chẳng biết nghĩa, những gì là nghĩa? Không ngã đó gọi là sinh tử, ngã đó gọi là Như Lai, không thường là Thanh văn Duyên giác, thường là pháp thân Như Lai, khổ là tất cả ngoại đạo, lạc tức là Niết-bàn, bất định tức là pháp hữu vi, tịnh là chỗ chư Phật Bồ-tát có chánh pháp, đó gọi là chẳng điên đảo, vì chẳng đảo nên biết chữ biết nghĩa. Nếu muốn xa lìa bốn điên đảo là phải biết thường lạc ngã tịnh như vậy.

**Giải thích:** Phàm mê bốn chân thật khởi tám điên đảo, không gì chẳng là nhân ngã kiến và pháp ngã kiến, là hang sinh tử là bít rừng phiền não, thành lồng giam của chín kết, mờ nghiệp sao của mười sử, hàng nhị thừa tuy đoạn nhân ngã, mà thường bị chỗ của không ngã đạt trôi. Hàng ngoại đạo nhằm nhận thần thức, luôn làm chỗ vọng ngã xoay chuyển. Sở dĩ ở trên nói không ngã gọi là sinh tử, là vì mê mờ môn một chân ngã, không lực đại tự tại, ngã gọi là Như Lai là thấu đạt diệu lý của Phật tánh, không thường là Thanh văn Duyên giác là, tu vọng nhân của sinh diệt, chứng tiểu quả của hồi đoạn, thường là Như Lai, pháp thân là

vào chân tông của chẳng động, khế hợp diệu thể viên thường, khổ là tất cả ngoại đạo là vận khổ hạnh không lợi ích, đọa vòng tà sinh diệt. Lạc tức là Niết-bàn, là đoạn nguồn vọng của hai tử, vào bí tạng của bốn đức. Bất định tức là pháp hữu vi, là tích chứa tình trần của tạp nhiễm, thành hư sự của mộng huyễn, Tịnh là chỗ chư Phật Bồ-tát có chánh pháp, là duyên phân tích rốt ráo, giảm trừ chí đạo vô vi. Do đó ngoại đạo chấp có ngã kiến, như nấu đá làm cơm, nhận vọng làm chân, hàng nhị thừa chứng môn không ngã, tợ sút đá làm bánh, lấy thường làm đoạn, đều chẳng đạt trung của không ngã mà có chân ngã, lại thường, thường lạc ngã tịnh chỉ là một pháp, vì tâm tánh chẳng biến khác nên thường, thường nên lạc, lạc nên ngã, ngã nên tịnh, vì chẳng rõ tâm tánh thường trú, nên ngoài tâm riêng cầu vọng có chỗ làm, làm nên không thường, không thường nên không lạc, không lạc nên không ngã, không ngã nên không tịnh, tại sao? Vì không thường đổi biến thuận chịu khổ đó, sao có lạc ư? Đã chẳng được lạc luôn cùng trói buộc chẳng được tự tại, đâu thành ngã ư? Đã chẳng thấy chân ngã Phật tánh lâu dài tùy theo duyên nhiễm, đâu được tịnh ư? Phân tích như trên đều thuộc giáo môn một kỳ hạn, chẳng thể đây quyết định chấp có không, mê ở phương tiện, như trong luận Quảng Bách nói: “Vì dứt tà kiến bác không Niết-bàn vậy, nói chân có thường lạc ngã tịnh, đó là phương tiện nói, chẳng nên quyết định chấp”. Đã chẳng chấp có cũng chẳng bác không, như vậy mới gọi là chánh trí giải thoát.

Hỏi: Trần bên ngoài không thể, lý duy thức thành, chánh giáo rõ ràng, diệu chẳng phải sai lầm. Nay chỗ phạm phu chấp, phần nhiều theo vọng tình, do tâm của thấy nghe, luật của huân tập. Phần nhiều chấp cảnh của hiện thấy, khó đoạn mảy may nghi ngờ, trước tuy rộng nói rõ, mà còn lo nghĩ chưa tin, nên mang lại chỉ bày để phá trừ tình chấp?

Đáp: Pháp tánh thì vô lượng, chứng đắc thì có biên, chân như tướng không, chấp đó là hình ngại, như trong Hoàn Nguyên Quán nói: “Chân không dính ở tâm đầu, luôn làm trường của duyên lự. Thật tế ở tại trước mắt, vụt làm cảnh của danh tướng”. Trong Khởi Tín Sao nói: “Nếu là duy tâm, thì chẳng hợp có cảnh, vì tâm không tướng chẳng thể thấy vậy. Đã có chỗ thấy, sao gọi là duy tâm”. Ý nói: Tất cả các pháp từ tâm mà khởi, chỗ khởi không thể tức là nhất tâm, sao dụng nói thấy và chẳng thấy? Căn bản là tâm vậy. Lại nói: Cảnh vốn chẳng phải thiện, chỉ vì thuận tình của mình bèn gọi là thiện, cảnh vốn chẳng phải ác, chỉ vì trái với tình bèn gọi là ác. Nên biết đẹp xấu tùy tình, cảnh không

thể cố định, đã không tự thể, sao có cảnh ư? Môn của duy tâm, theo đó mà rõ vậy, nên biết Phật vì người tin mà nói, chẳng vì người nghi mà bày. Hạng dơ nặng chướng sâu tự sinh nghi báng, hạng nặng nhẹ căn lợi chóng vào huyền vi. Trong luận Quảng Bách nói: “Tất cả chỗ thấy đều là chỗ thức làm, lia thức không có một pháp là thật, vì từ vô thủy đến nay luôn tập các kiến, tùy chỗ tạp kiến, tùy chỗ gặp duyên, tùy tự chủng tử thành thực, hoặc sai biệt biến tợ các thứ pháp tướng mà sinh, giống như chỗ thấy trong mộng mọi sự đều là hư vọng hiện, đều không một thật, tất cả đều là chỗ thức tâm làm nạn. Nếu vậy Đại thừa nên như mộng cam, bác tất cả pháp thấy đều là hư, chẳng thể biện nói tất cả pháp thế gian và xuất thế gian tự tánh sai biệt, là chỗ lớn thay! Chúng ta chẳng thể tùy hỷ chỗ lập pháp nghĩa hư giả của Đại thừa như vậy. Vì tất cả pháp đều có thể hiện thấy, chẳng thể bác không pháp hiện thấy vậy. Đáp: Lạ thay! Đáng xót thương hạng người ngu phước mỏng, chẳng thể tin hiểu pháp nghĩa Đại thừa. Nếu có năng thấy, có tâm thấy chỗ thấy, năng thấy đã không, ai thấy chỗ thấy? Vì các năng thấy chẳng năng tự xét biết tự có thể, cũng chẳng xét tha, ở lúc thẩm xét, năng thấy sở thấy đều không chỗ thấy, cho nên không nên chấp pháp hiện thấy, quyết định là có thể, vì lác xoay tâm, các cảnh sở duyên đều hư giả vậy, tại sao? Lúc khởi nghĩ nhớ, thật không thấy các thứ cảnh giới v.v... chỉ tùy nhân duyên tự tâm biến tợ thấy tướng các thứ cảnh giới v.v... mà sinh, vì chỗ nghĩ nhớ chẳng phải chân thật vậy, chỉ có hư giả nghĩ nhớ tên sinh, như từng trải qua thể tướng các pháp, xoay tâm tìm nhớ nên gọi là niệm (nghĩ) đang lúc nhớ nghĩ, cảnh chỗ từng trải đều không có vậy, năng nghĩ cũng không mà gọi là nghĩ là, tùy thuận thói quen điên đảo các thấy giả danh chi thiết, do nghĩ đây nên hữu tình thế gian vọng khởi các thứ phân biệt tranh luận, tranh chấp các pháp tự tánh sai biệt. Đắm trong bùn sinh ác kiến chẳng thể tự ra, nghĩa nếu không chỗ thấy cũng không chỗ nghe, vậy thì tất cả đều không chỗ có, Cớ sao thời nay bện đá làm bè? Trong luận Duy thức nói: “Hỏi: Nương tin có bốn thứ: Một là hiện thấy; hai là sánh biết; ba là thí dụ; bốn là A-hàm. Trong các tin đây, hiện tin là tối thắng, nếu không cảnh bên ngoài, cớ sao người đời nói ta hiện thấy vật đây xanh v.v...? Kệ đáp:

*“Hiện thấy như trong mộng,  
Thấy chỗ thấy chẳng cùng,  
Lúc thấy chẳng phân biệt,  
Cớ sao nói hiện thấy”.*

Các người phàm phu phiền não trong mộng có chỗ thấy sự đều



như trong mộng, như hiện thấy sắc chẳng biết nghĩa sắc, đến lúc sau ý thức phân biệt mới được rõ biết. Lúc ý thức phân biệt, không nhãn v.v... các thức động trước vậy, vì tất cả pháp niệm niệm chẳng trú vậy, vì lúc thấy sắc, không ý thức kia, lúc ý thức khởi, không nhãn thức kia. Trong luận Nhập Đại thừa nói: “Hỏi: Thế tướng các pháp thế gian hiện thấy, cơ sao không ư? Đáp: phàm ngu vọng thấy, đó chẳng phải đáng tin, pháp của sinh diệt, thấy đều là không, sinh diệt xoay chuyển, không lúc tạm dừng, tương tự tương tục nên vọng thấy có thật, giống như đèn cháy niệm niệm sinh diệt, người ngu phàm phu cho là một lửa cháy”. Trong luận Trung Quán nói: “Hỏi: Ông tuy các thứ môn phá đi đi đó, trú trú đó, mà nhãn thấy có đi trú chẳng? Đáp: Chỗ nhục nhãn thấy chẳng thể tin, nếu thật có đi đi là vì một pháp thành hay vì hai pháp thành, cả hai đều có lỗi. Phàm nhục nhãn là chỗ nghiệp nhân điên đảo ở thời quá khứ mà thành, như trâu dê mất nó chẳng rõ biết phương góc, thật chẳng thể tin, chỉ Phật nhãn chân thật, chỉ có thể theo thật, chẳng thể cậy hư. Lại hỏi: Hiện thấy chúng sinh tạo nghiệp thọ báo, sự đó thế nào? Đáp: Như hóa nhân không có thật sự, chỉ có thể mắt thấy. Lại hóa nhân khẩu nghiệp nói pháp thân nghiệp bố thí v.v... là nghiệp tuy không thật mà có thể mắt thấy, sinh tử như vậy, tác giả và nghiệp cũng nên như vậy, các nghiệp đều không không tánh như huyền như mộng. Lại hỏi: Người thế gian đều thấy các pháp là có là không, sao riêng ông cùng với thế gian trái nhau, nói không chỗ thấy? Đáp: Nếu người chưa đắc đạo, chẳng thấy thật tướng các pháp, là ái kiến nhân duyên, các thứ hý luận, lúc thấy pháp sinh, cho đó là thường, người trí thấy các pháp sinh tức diệt không thấy, thấy các pháp diệt tức diệt có thấy”. Nên đối với tất cả pháp tuy có chỗ thấy, đều như huyền như mộng, cho đến vô lậu đạo thấy còn đáng diệt huống gì các thấy khác, cho nên, nếu chẳng thấy pháp an ổn, thì thấy có không. Trong luận Đại Trí Độ nói: “Hỏi: Nếu tất cả pháp không như huyền, tại sao? Các pháp có có thể thấy có thể nghe, có thể ngửi có thể nếm, có thể xúc chạm, có thể nhận biết? Nếu không mà vọng thấy là sao chẳng thấy tiếng nghe sắc? Nếu đều một đồng không không chỗ có, cơ sao có thể thấy? Đáp: Các pháp tướng tuy không, cũng có phân biệt có thể thấy chẳng thể thấy, thí như voi ngựa huyền hóa và các vật, tuy biết không thật, nhưng sắc có thể thấy, tiếng có thể nghe, chẳng cùng thác loạn, cùng sáu tình đối vậy, các pháp cũng như vậy, tuy không mà có thể nghe, chẳng cùng thác loạn, rõ ràng ý đây luận là nói về chỗ thấy của phàm tình thế gian, vì nhãn căn đối sắc trần và khoảng giữa nhãn thức, ba thứ hòa hợp, được xưng là thấy, căn



trần thức đây tự tánh đều không, mỗi mỗi chẳng thể sinh thấy, hòa hợp cũng chẳng thể sinh thấy, chỉ chỗ đối của hư vọng tình chấp, thấy nghe chẳng không, nên trong kinh nói: “Vì phàm phu thấy đó là thế tục đế, vì Thánh nhân thấy đó là chân đế” chỗ xưng là đế là xét thật chẳng hư nên xưng là đế.

Hỏi: Tất cả các pháp trong ngoài đều có lưu loại, ở trong các loại ước có mấy thứ nghĩa sai biệt và tùy loại thông biệt v.v...?

Đáp: Xưa trước giải thích có năm thứ: Một loại di thực, một thông, tức tất cả cỏ cây là trước xanh sau vàng, há chẳng phải là dị thực; hai biệt chỉ là nghiệp thiện ác, cảm quả dị thực, hai loại nuôi lớn, một thông tức là tất cả đều có nuôi lớn; hai biệt chỉ là chỗ ăn uống ngủ nghỉ Phạm hạnh v.v... gìn giữ lợi ích vậy; ba loại đẳng lưu, một thông tức là tất cả tự loại tương tự đều là đẳng lưu, hai biệt chỉ chỗ của đồng loại nhân sinh; bốn loại thật sự, một thông tức tất cả các pháp thể, hai biệt chỉ là vô vi chọn lựa hữu vi chẳng phải là thật sự vậy; năm loại sát-na, một thông tức tất cả pháp có danh diệt, hai biệt chỉ là một sát-na đầu tiên thấy đạo vậy.

Hỏi: Chỗ huân tình trú khắp trong ba cõi, cơ sao trong kinh Duy-ma-cật nói bảy thức xứ là chủng?

Đáp: Hữu tình thông phạm đến Thánh, có sáu mươi hai thân hữu tình, nói về xứ nương tựa có bốn mươi hai cư chỉ (ở dừng). Nếu thông môn do nghiệp buộc vậy, lạc và chẳng lạc đều lập cư chỉ. Dưới loại bảy thức tâm trú, là thức tâm chỉ lạc ở bảy xứ trú. Bốn mươi hai cư chỉ là: Tám địa ngục, bàng sinh, ngạ quỷ, bốn châu, sáu trời cõi Dục, cõi Sắc có mười tám, cõi Vô sắc có bốn, đều thành bốn mươi hai cư chỉ, bảy thức xứ là: Một các thứ thân các thứ tướng, các thứ thân là trời mười cõi Dục có tôn ti cao thấp vậy. Các thứ tướng là có tướng ba thọ khổ lạc và xả; hai các thứ thân, một tướng, các thứ thân là sở thiển phạm thiên là tôn, phạm chúng là ti, nên có các thứ thân, một tướng là có tướng một giới thủ vậy. Phạm vương tự cho là ta năng sinh các phạm, các phạm cho là ta từ Phạm vương sinh, chẳng phải nhân chấp là nhân là giới thủ; ba một thân các thủ tướng, một thân là nhị thiển địa thượng không tôn ti cao thấp vậy. Các thứ tướng là có tướng hỷ lạc vậy; bốn một thân một tướng, một thân là tam thiển không tôn ti cao cấp vậy, một tướng là chỉ tướng một lạc, không thức trở lên không thân chỉ có một tướng; năm không xứ chỉ một tướng không; sáu thức xứ, chỉ một tướng thức; bảy vô sở hữu xứ, chỉ một tướng tuệ; bảy thức xứ trên đây, đối trị chúng sinh chấp thức là ngã lạc trú bảy xứ, lấy năm ấm hữu lậu làm thể. Đệ tứ

thiền có định vô tướng, trong địa phi tướng có định diệt tận. Ở trong tam đồ năng chịu các khổ thức chẳng ưa thích trú nên chẳng nói vậy. Lại đệ tứ thiền và địa phi tướng, tuy là diệt thức, mà chẳng giả danh chúng sinh ở, do đó chẳng lập, trong ba ác thú là chỗ khổ bức bách, chúng sinh chẳng ưa thích ở do đó chẳng lập.

Hỏi: Phá cảnh bên ngoài không, lập duy thức là cảnh từ đâu mà không thức từ đâu mà có?

Đáp: Cảnh tùy tình khởi, thức theo duyên sinh, tình chỉ là tâm của biến kế, duyên là tánh của y tha, duyên pháp là có, nương môn của thắng nghĩa, tình chấp vốn không, quy về đạo của thế tục. Trong luận Duy thức nói: “Cảnh bên ngoài tùy tình mà chi thiết vậy, chẳng phải có như thức, thức bên trong hẳn nương nhân duyên sinh, nên chẳng phải không như cảnh, do đây bèn ngăn hai chấp tăng giảm, cảnh nương thức bên trong mà giả lập, chỉ thế tục có, thức là chỗ giả cảnh nương tựa sự cũng thắng nghĩa đó”. Giải thích: Cảnh bên ngoài là biến kế sở chấp, thật cảnh ngoài tâm, do tùy vọng tình lập bày làm giả, thể thật đều không, chẳng phải cùng y tha thức bên trong tương tự, thức bên trong thể là y tha vậy, hẳn nương chỗ chủng tử nhân duyên sinh, chẳng phải thể toàn không như cảnh biến kế, ngã pháp thật kia giống như lông rùa, thức y tha có nên chẳng phải như loại kia. Trong đây sắc v.v... tương phần kiến phần là chỗ thức bên trong biến, chẳng lìa thức vậy, gọi chung là thức bên trong. Do thức bên trong đây thể tánh chẳng phải không, ngã pháp bên ngoài tâm, thể tánh chẳng phải có, bèn ngăn bên ngoài chấp cảnh thật của lìa tâm, có chấp tăng giảm, và ngăn tà kiến ác thủ không là bác bỏ thức cũng không vọng không giảm chấp. Tức lìa không có nói giáo duy thức, có pháp ngoài tâm luân hồi sinh tử, rõ biết một tâm sinh tử trọn dứt, có thể gọi là đạo lý trong xứ vô thượng.

Hỏi: Cảnh chỉ có của thế tục, thức thông môn của thắng nghĩa vậy, thế nào là thế tục đế, thế nào là thắng nghĩa đế?

Đáp: Phạm tất cả đế trí đều từ không đế mà khởi, không đế tức là chân tâm tuyệt đối đăi, chẳng phải đối lập có mà xưng không, nên gọi là tuyệt đối đăi. Giống như hư không chẳng phải đối lập không nhỏ mà xưng không lớn. Từ không đế đây lập một thật đế, tên của một thật đây là đối ba quyền mà gọi là một thật, đối đăi hư gọi là thật, đây là do đối đăi mà có được tên. Lại từ một thật đây, đối lập có căn cứ giáo, giả phân mở hai đế v.v... hai đế đây là nói về tình trí mà mở, như kinh Niết-bàn nói: “Như chỗ biết của người xuất thế gọi là đệ nhất nghĩa đế”. Trong kinh Nhân Vương nói: “Ở giải thường tự một ở đế thường tự hai”. Sở dĩ

nhân vương tuy phân hai đế mà trí chiếu thường một, Niết-bàn vốn chỉ một đế, mà giải hoặc phân hai. Đó thì hai mà chẳng hai, chẳng hai mà hai, một hai tự tại, là chân hai đế, nên người xưa có bài tụng nói:

*“Hai đế đều chẳng song,  
Hằng trái chuta từng mỗi”.*

Tức nghĩa đó vậy. Sinh Công nói: “Phải quấy đối đãi nhau nên có tên chân tục sinh”. Trong Nhiếp Luận đời nhà Lương nói: “Trí chướng rất mù tối, là chân tục chấp riêng, nhưng pháp tướng vụ muốn phân chẻ, pháp tánh vụ tại dung thông, mỗi mỗi y cứ một môn, chỗ sinh thiên kẹt, tại sao? Nếu chỉ phân chẻ mà không dung thông, pháp thành sai khác, nếu chẳng phân chẻ sự thành hỗn lạp. Lại không thể dung thông thì tánh tướng rõ ràng mà chẳng phải khác. Sự lý dung tức mà chẳng phải đồng chẳng phải khác, chẳng phải đồng là diệu lý trong viện. Lại cảnh thì chẳng ngại thân mà hằng tục, trí thì chẳng ngại tịch mà thường chiếu, ý lấy tâm tịch đối nơi chân cảnh, tâm chiếu đối nơi cảnh tục, lấy chiếu đối tục thì tâm cảnh chẳng phải một, lấy tịch đối chân thì tâm cảnh chẳng phải khác, tuy dung cả không và có hai cảnh tịch chiếu hai tâm trọn chẳng được nói, cảnh thì chẳng ngại chân mà hằng tục, trí thì chẳng ngại chiếu mà hằng tịch cảnh thì chẳng ngại tục mà hằng chân, trí thì chẳng ngại tịch mà thường chiếu. Trong luận Trung Quán có kệ tụng nói:

*“Nếu người chẳng thể biết,  
Phân biệt ở hai đế,  
Thì ở Phật pháp sâu,  
Chẳng biết nghĩa chân thật”.*

Trong luận Kim Cang Bát Hoại Giả Danh nói: “Pháp của Phật giảng nói đều quy về hai đế: Một là tục đế; hai là chân đế, tục đế nghĩa là các phàm phu Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát, Như Lai cho đến danh nghĩa trí cảnh nghiệp quả tương thuộc, chân đế nghĩa là tức ở đây đều không chỗ được, như nói đệ nhất nghĩa chẳng phải là chỗ hành của trí, hưởng gì văn tự, cho đến không nghiệp, không nghiệp quả, là chủng tánh các thánh, cho nên trong Bát-nhã ba-la-mật đây, nói chẳng trú bố thí, tất cả pháp không tương chẳng thể thủ chẳng thể nói. Sinh pháp không ngã, không chỗ được, không năng chứng, không thành tựu, không lại, không đi v.v...”. Đây giải thích về chân đế. Lại nói trong ngoài thế gian xuất thế gian tất cả pháp tướng và các công đức, đây kiến lập tục đế. Lại Thai giáo căn cứ bốn chứng ba tiếp, lập bảy thứ hai đế và năm thứ ba đế. Như trong Pháp Hoa Huyền Nghĩa nói: “Phàm các kinh luận

dị thuyết đều là thiện quyền phương tiện của Đức Như Lai, biết căn biết dục các thứ chẳng đồng, lực có ba khác: Một nghĩa là tùy tình; hai tùy tình trí; ba tùy trí, tùy tình nói là, tình tánh chẳng đồng, nói tùy tình khác, như Tỳ-sa-la rõ pháp thế đệ nhất, có không chủng lượng, khoảng chân còn vậy, hướng gì các thứ khác ư? Như thuận kẻ mù tình các thứ chỉ bày sữa, kẻ mù nghe nói khác mà tranh cãi là sắc trắng, há tức là sữa ư? Các sư chẳng thấu đạt ý đây, mỗi mỗi chấp một văn từ tự khởi thấy tranh cãi, qua lại phải quấy, tin một chẳng tin một, mênh mông loạn thay, chẳng biết ai phải. Nếu ta thuyết ở đời và năng phá là có kinh văn chương, đều phán là tùy tình, ý hai đế ư? Lại không văn chứng, đều là tà kiến, nghĩa là đồng ngoại đạo kia chẳng phải thuộc hai đế nhiếp vậy. Tùy tình trí là, tình nghĩa là hai đế, hai đều là tục, nếu ngộ đế lý mới có thể là chân, chân thì chỉ một, như năm trăm vị Tỳ-kheo mỗi mỗi nói về thân nhân, thân nhân là nhiều, chánh lý chỉ một. Trong kinh nói: “Chỗ tâm người đời thấy gọi là thế đế, vượt tâm người đời thấy gọi là Đệ nhất nghĩa đế”. Như nói đây tức là tùy tình trí hai đế vậy. Tùy trí là, thánh nhân ngộ lý chẳng phải chỉ thấy chân, cũng năng rõ tục. Như mắt từ màn che, thấy sắc thấy không. Lại như vào thiền đến lúc ra quán thân hư tâm rộng tự mây nhẹ lan tỏa giữa không trung, đã chẳng đồng trú tâm. Hướng gì ngộ chân mà chẳng rõ tục. Tỳ-đàm nói: “Mây nhỏ phát chướng, mây lớn phát chướng, vô lậu vượt sâu, thế trí chuyển tịnh”, nên trong kinh có kệ tụng nói:

*“Người phàm ở thế gian,  
Chẳng biết tướng thế gian,  
Như Lai ở thế gian,  
Rõ ràng tướng thế gian”.*

Đó là tùy trí hai đế vậy. Nếu giải ba ý đây, đem tâm kinh luận tuy nói các thứ, ở mỗi mỗi đế đều đủ ba ý vậy; hai chánh nói rõ hai đế là, lấy ý còn lược, chỉ điểm pháp tánh là chân đế, vô minh v.v... mười hai nhân duyên là tục đế, ở nơi nghĩa tức đủ, chỉ người thô cạn chẳng ngộ tỏ thâm diệu đó, lại phải mở bày thì luận bày thứ hai đế, mỗi mỗi hia đế lại mở ba thứ, hợp thành hai mươi một thứ hai đế, nếu dụng phiên đầu hai đế phá tất cả tà, nghĩa là chấp trước đều hết, như kiếp lửa thiêu đốt chẳng lưu lại hạt cải, hướng bày các đế sau xoay ra làm văn, chẳng phải là thế tình mưu đạt. Nói bày thứ hai đế: Một, thật có là tục, thật có diệt là chân; hai, huyễn có là tục, tức huyễn có không là chân; ba, huyễn có là tục, tức huyễn có không chẳng không cộng là chân; bốn, huyễn có là tục, huyễn có tức không chẳng không, tất cả pháp thú không chẳng

không là chân; năm, huyễn có huyễn có tức không đều gọi là tục, chẳng có chẳng không là chân; sáu, huyễn có huyễn có tức không đều gọi là tục, chẳng có chẳng không, tất cả pháp thú chẳng có chẳng không là chân; bảy, huyễn có huyễn có tức không đều là tục, tất cả pháp thú có thú không thú chẳng có chẳng không là chân. Thật có hai đế là, ấm nhập giới v.v... đều là thật pháp, chỗ thật pháp thành sum la muôn phẩm, nên gọi là tục, phương tiện tu đạo diệt tục đây rồi mới được hợp chân. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Không sắc sắc không” vì diệt sắc nên gọi là không sắc, chẳng diệt sắc nên gọi là sắc không, trong bệnh không thuốc, trong vắng tự không Bồ-đề, đều ý đây là tướng thật có hai đế vậy, ước ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình trí v.v... chuẩn cứ đây có thể biết, huyễn có không hai đế là bài xích ý trước vậy, tại sao? Lúc thật có không chân, lúc diệt có không tục, nghĩa hai đế chẳng thành. Nếu rõ huyễn là, huyễn có là tục, huyễn có chẳng thể được, tức tục là chân. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Tức sắc là không, tức không là sắc, không sắc tương tức, nghĩa hai đế thành” đó gọi là huyễn có hai đế vậy. Căn cứ ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình trí v.v... tùy trí nhỏ, phải phân biệt, tại sao? Thật có tùy trí chiếu chân cùng đây không khác, tùy trí chiếu tục chẳng đồng, tại sao? Người thông vào quán khéo, lại hạn cục chiếu tục cũng khéo, như trăm sông hợp về biển, mùi vị nó chẳng riêng biệt, lại hạn cục trở lại ngòi sông ngoài thì khác, tục là sự pháp chiếu khác chẳng phải nghi, chân là lý pháp chẳng thể chẳng đồng, chỉ căn cứ người thông ra giả cũng người người chẳng đồng. Có thể lấy ý được vì ba tạng, ra giả cũng nên như vậy. Huyền có không chẳng không hai đế là, tục chẳng khác chân trước thì ba thứ chẳng đồng: Một tục tùy ba chân tức thành ba thứ hai đế. Tướng đó thế nào? Như trong kinh Đại Phẩm nói rõ chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu, mới đầu, người cho rằng chẳng phải lậu là chẳng phải tục, chẳng phải vô lậu là xua trừ đấm trước, tại sao? Hành nhân duyên vô lậu mà sinh đấm trước, như duyên diệt sinh khiến phá tâm đó trở lại vào vô lậu, đây là một phiên hai đế vậy, tiếp theo người nghe chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu, cho là chẳng phải hai biên, riêng hiển bày lý trung, lý trung là chân, lại là một phiên hai đế vậy. Lại người nghe chẳng phân hữu lậu chẳng phải vô lậu, tức biết cả hai chẳng phải chánh hiển bày trung đạo. Pháp giới trung đạo lực dụng rộng lớn, cùng đồng như hư không, tất cả phải thú chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, lại là một phiên hai đế vậy. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Người của Thanh văn chỉ thấy ở không, chẳng thấy chẳng không, người trí thấy không và cả chẳng không” tức là ý đây, hàng Nhị thừa cho là

đắm trước không đây, phá đắm trước không vậy, nên nói chẳng không, không đắm trước nếu phá chỉ là thấy không, chẳng thấy chẳng không vậy, người thông lợi cho là chẳng không là diệu hữu, nên nói chẳng không, cho đó là Như Lai Tạng, tất cả pháp thú Như Lai Tạng trở lại ước về không mà chẳng không, tức có ba thứ hai để vậy. Lại nữa, tất cả phải thú chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu hiển bày ba thứ khác là, mới đầu người nghe nói tất cả pháp thú chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu là, các pháp chẳng lìa không, hành khắp mười phương giới, trở lại là bình xứ như. Lại người nghe thú biết lý trong đây phải tất cả hành đến thú phát đó, lại một người nghe tất cả thú tức chẳng phải lậu chẳng phải vô lậu đủ tất cả pháp vậy, cho nên nói một tục tùy ba chân chuyển đây, hoặc đối đốn chân, hoặc đối chân chẳng thể nghĩ bàn, vô lượng hình thể uyển chuyển đến cơ, ra vào lợi vật, mỗi mỗi đều có tùy tình tùy trí v.v... ba nghĩa nếu tùy trí chứng tục tùy trí chuyển trí chứng thiên chân tức thành thông hai đế, trí chứng chẳng không chân tức thành biệt vào không hai đế, trí chứng tất cả thú chẳng không chân, tức thành viên vào thông hai đế. Ba người vào trí chẳng đồng, lại hạn cục chiếu tục cũng khác, tại sao? Ba người đồng nghe hai đế mà thủ giải mỗi khác, đó là chẳng cộng Bát-nhã, cùng nhị thừa cộng nói, thì khác của sâu cạn vậy. Trong kinh Đại Phẩm nói: “Có Bồ-tát mới phát tâm cùng Tát-bà-nhã tương ứng, có Bồ-tát mới phát tâm du hý thần thông tịnh cõi nước Phật, có Bồ-tát mới phát tâm, tức ngồi đạo tràng là như Phật” tức ý đây vậy. Huyền có không là tục, chẳng có chẳng không là chân, có không hai nên là tục, trong đạo chẳng có chẳng không chẳng hai là chân, hàng Nhị thừa nghe chân tục đây đều chẳng giải hiểu nên như cầm điếc. Trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Ta cùng Di-lặc chung luận về thế đế, năm trăm Thanh văn cho là nói chân đế” tức ý đây vậy. Căn cứ đây cũng có ba nghĩa tùy tình tùy trí v.v... viên vào biệt hai đế là, tục cùng biệt đồng, chân đế thì khác người biệt chẳng không chỉ là lý thôi, muốn hiển bày lý đây phải duyên tu phương tiện, nên nói tất cả pháp thú chẳng không, người viên nghe lý chẳng không, tức biết đầy đủ tất cả Phật pháp không có khuyết giảm, nên nói tất cả thú chẳng không vậy. Căn cứ ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình v.v... viên giáo hai đế là nói chẳng hai đế chẳng nghĩ bàn vậy, chân tức là tục, tục tức là chân, như châu như ý, lấy châu thí dụ chân. Dụng làm thí dụ tục, tức châu là dụng, tức dụng là châu, chẳng hai mà hai, phân chân tục vậy, ước ở đây cũng có ba nghĩa tùy tình tùy trí v.v... Tôn giả Thân Tử có kệ tụng:

*“Phật dùng các thứ duyên,*



*Thí dụ khéo nói bà,  
Tâm kia an như biển,  
Con nghe lưới nghi dút”.*

Tức nghĩa đây vậy.

Hỏi: Chân tục nên tương đối, cơ sao chẳng đồng ư?

Đáp: Ở đây nên có bốn câu: Tục khác chân đồng, chân khác tục đồng, chân tục khác tương đối, chân tục chẳng khác mà khác tương đối, ba tạng cùng thông chân đồng mà tục khác, hai người thông chân khác mà tục đồng. Biệt chân tục đều khác mà tương đối, viên chân tục chẳng khác mà khác tương đối, chẳng đồng mà đồng, nếu chẳng cùng vào phải phân chân tục tức tương đối, bảy thứ hai để nói rộng như trước. Nói lược là, bên trong giới tương tức, chẳng tương tức, bên ngoài giới tương tức, chẳng tương tức, là bốn thứ hai để vậy, biệt tiếp thông năm vậy, viên tiếp thông sáu vậy, viên tiếp biệt bảy vậy.

Hỏi: Sao chẳng tiếp ba tạng?

Đáp: Ba tạng là chẳng tương tức bên trong giới, Tiểu thừa thủ chứng căn là kẻ sĩ của bại, nên chẳng luận tiếp, ngoài ra sáu thứ còn lại là môn Ma-ha-diễn, nếu muốn tiến tới trước cũng có thể được đi, cho nên bị tiếp.

Hỏi: Nếu chẳng tiếp thì cũng chẳng hội?

Đáp: Nghĩa tiếp chẳng phải nghĩa hội, trước của chưa từng tức luận bị tiếp, phán thô diệu là thật có hai đế, pháp môn chữ nửa (bán tự), dẫn người độn căn dọn trừ phân dơ hý luận, nghĩa hai đế chẳng thành, pháp đây là thô, như huyền hai đế pháp môn chữ đủ (tự mãn) là giáo hạn lợi căn, các pháp thật tướng, ba người chung đắc, so sinh với trước là diệu. Đồng thấy chỉ không, so sánh với sau thì thô, vì biệt vào viên năng thấy chẳng không, đó thì là diệu, giáo đàm lý chẳng dung, cho nên là thô, vì viên vào thông là diệu, diệu chẳng khác sau kẹt thông phương tiện, cho nên là thô, biệt hai đế chẳng kẹt thông phương tiện nên là diệu, giáo đàm lý chẳng thông, cho nên là thô, viên vào biệt lý dung là diệu, kẹt biệt phương tiện là thô, chỉ viên hai đế, chánh ngay bỏ phương tiện chỉ nói đạo Vô thượng, cho nên là diệu, tiếp theo ước về tùy tình trí v.v... mà phán thô diệu là, tạm nói về ba tạng, mới đầu nghe tùy tình hai đế, chấp thật ngữ là hư ngữ, khởi ngữ kiến nên sinh tử mênh mộng, không khí lực của Phật pháp, nếu năng chuyên cần tu pháp niệm xứ, phát bốn thiện căn, lúc ấy tùy tình hai đế đều gọi là tục, phát được chỗ vô lậu chiếu hai đế đều gọi là chân, từ người tứ quả lấy chỗ trí vô lậu chiếu chân tục, đều gọi là tùy trí hai đế, tùy tình thì thô, tùy trí thì diệu,

thí như chuyển sữa mới đầu được thành lạc, đã thành lạc rồi tâm cùng thể tin vào ra không khó, tức được tùy tình tình trí trí v.v... nói thông biệt vào thông, viên vào thông, khiến đó xấu hổ tiểu vui thích đại, tự thương hạt giống hư mà khát ngưỡng thượng thừa, lúc ấy như huyền lạc thành sinh tô tâm dần thông thái, tức là tùy tình tình trí trí v.v... nói biệt viên vào biệt là rõ chẳng cộng Bát-nhã, mạng lệnh gia nghiệp, vàng bạc trân báu vào ra lấy cho, đều sai khiến biết, đã biết đó rồi, tức như chuyển sinh tô thành thực tô. Các Phật pháp lâu ra cần phải nói chân thật, tức tùy tình tình trí trí v.v... nói viên hai đế như chuyển thực tô thành đề hồ, đó thì sáu thứ hai đế điều hòa thành thực chúng sinh, tuy thành bốn vị cho nên là thô, đề hồ một vị, đó thì là diệu. Lại buộc phân thô diệu, hai giáo trước tuy có tùy trí v.v... nhưng một hướng là tùy tình, nói ý khác nói vậy nên gọi là thô, biệt vào thông đi, tuy có tùy tình v.v... nhưng một hướng là tình trí, trí nói ý tự tha nói, nên cũng thô cũng diệu, viên hai đế tuy có tùy tình v.v... nhưng một hướng là tùy trí, nói tự trí Phật nói tự ý Phật nói, nên xưng là diệu.

Hỏi: Hai hai đế trước một hướng là tùy tình, nên chẳng phải là thấy đế, cũng chẳng đắc đạo ư?

Đáp: Chẳng được trung đạo nên xưng là tùy tình, chư Phật Như Lai nói pháp chẳng không, tuy chẳng phải trung đạo, đệ nhất nghĩa tất-đàn, nhưng chẳng mất ích ba tất-đàn, đại khái phân đó đều thuộc tùy tình là thô vậy. Tiếp theo nói rõ về ba đế, diệu tức hai thứ hai đế trước, vì chẳng rõ trung đạo vậy, căn cứ năm thứ hai đế được luận Trung đạo, tức có năm thứ ba đế, nói về biệt vào thông, điểm chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu, nghĩa hai đế thành, hữu lậu là tục, vô lậu là chân, chẳng phải hữu lậu, chẳng phải vô lậu là trung, ngay trong giáo luận chỉ khác không mà thôi, trung không công dụng chẳng đủ các pháp, viên vào thông ba đế là, hai đế chẳng khác trước, điểm chẳng phải lậu, chẳng phải vô lậu, đủ tất cả pháp, cùng trung trước khác vậy, biệt ba đế là, tục kia là hai đế, đối chân là trung, trung lý mà thôi, viên vào biệt ba đế là, hai đế chẳng khác trước, điểm chân trung đạo, đầy đủ Phật pháp vậy. Viên ba đế là, chẳng phải chỉ trung đạo đầy đủ Phật pháp mà chân tục cũng vậy, ba đế viên dụng, một ba ba một. Phân thô diệu là, biệt viên vào thông kẹt thông phương tiện nên là thô, biệt chẳng kẹt thông là diệu, viên vào biệt kẹt biệt phương tiện là thô, viên chẳng kẹt phương tiện tối diệu, nói về năm vị giáo là, sữa giáo dụ cho ba thứ ba đế, hai thô một diệu, lạc giáo chỉ thô không diệu, sinh tô tục tô đều là năm thứ ba đế, bốn thô một diệu, kinh đây chỉ một thứ ba đế tức cùng đối đãi

diệu vậy, mở thô hiển bày diệu là, bỏ các thô trước vào một diệu, ba đế không chỗ có thể đối đãi, đó là tuyệt đối đãi diệu vậy. Lại nó rõ một đế là, trong kinh Đại Niết-bàn nói: “Nói là hai đế, kỳ thật là một, phương tiện nói hai, như say chưa ói nhả, thấy nhật nguyệt chuyển, cho là có chuyển nhật và chẳng chuyển nhật, người tỉnh chỉ thấy chẳng chuyển, chẳng thấy ở chuyển, chuyển hai là thô, chẳng chuyển là diệu”. Ba tạng toàn là chuyển hai, đồng người say kia, các kinh Đại thừa kẹt chuyển hai nói chẳng chuyển một, nay kinh đây bỏ ngay phương tiện chỉ nói đạo vô thượng, chẳng chuyển một thật, cho nên là diệu, các đế chẳng thể nói là, các pháp từ xưa lại tướng thường tự vắng lặng, nào được các đế rồi ren trở ngại nhau, một đế còn không, các đế sao có, mỗi mỗi đều chẳng thể nói, có thể nói là thô, chẳng thể nói là diệu, chẳng thể nói cũng chẳng thể nói là diệu cũng diệu, tuyệt đường ngôn ngữ vậy, nếu thông làm chẳng thể nói là đời đời chẳng thể nói, cho đến chẳng sinh, chẳng sinh chẳng thể nói, chẳng thể nói trước là thô, chẳng sinh chẳng sinh chẳng thể nói là diệu. Nếu thô khác diệu, đối đãi nhau chẳng dung, thô diệu chẳng hai, tức tuyệt đãi diệu vậy.

Hỏi: Cớ sao đại tiểu không luận không đế?

Đáp: Trong Thích Luận nói: “Chẳng phá chỗ trong tâm thánh nhân đắc Niết-bàn, vì chưa đắc là chấp Niết-bàn sinh hý luận, như duyên không sinh sử, nên phá nói không đắc vậy.

Hỏi: Nếu vậy, Tiểu thừa đắc và chẳng đắc thấy đều bị phá, Đại thừa đắc và chẳng đắc cũng đều nên phá ư?

Đáp: Chẳng sánh ví Tiểu thừa còn có hoặc riêng biệt có thể trừ, lý riêng biệt có thể hiển, nên tuy đắc phải phá, trung đạo chẳng như vậy, cớ sao phá.

Hỏi: Nếu vậy, trung đạo chỉ nên có một đế, chẳng nên nói không đế?

Đáp: Vì chưa đắc là chấp trung sinh hoặc nên phải không đế. Thật đắc là có, hý luận là không, lại trong luận Duy Thức đối với hai đế chân tục gọi là mở bốn lớp, đều thành tám đế. Bốn cửa tục đế là: Một, giả danh không thật đế, nghĩa là bình bôn v.v... chỉ có giả danh mà không thật thể, từ năng phân tích nói nên gọi là đế; hai, tùy sự sai biệt đế, nghĩa là uẩn giới v.v... tùy sự kia lập pháp uẩn v.v...; ba, phương tiện an lập đế, nghĩa là khổ tập v.v... do chứng đắc lý mà an lập vậy; bốn, giả danh chẳng phải an lập đế, nghĩa là lý hai không, nương không môn kia nói là chân tánh, do bên trong chân tánh kia chứng trí cảnh, chẳng thể nói bày, gọi là hai không như, chỉ giả nói vậy.

Thắng nghĩa có bốn: Một, thể dụng hiển hiện đế, nghĩa là uẩn giới v.v... có thể tánh thật vượt quá thế tục trước gọi là thắng nghĩa, tùy sự sai biệt nói, gọi là uẩn v.v... nên gọi là hiển hiện; hai, nhân quả sai biệt đế, nghĩa là khổ tập v.v... trí đoạn chứng tu nhân quả sai biệt; Ba, y môn hiển thật đế, nghĩa là lý hai không vượt quá tục chứng đắc, nên gọi là thắng nghĩa, y cứ không năng chứng để hiển bày ở thật, nên gọi là y môn; bốn, phế bỏ phân tích bàn nói chỉ đế, nghĩa là một chân như thật thể diệu là ngôn rồi gọi là thắng nghĩa. Lại chân chẳng tự chân, đãi tục nên chân, tức ba chân trước cũng nói là tục, tục chẳng tự tục, đãi chân nên tục, tức ba tục sau cũng gọi là chân, chí lý xung huyền công nghiệm ở đây. Lại trong kinh Hoa Nghiêm nói về viên số đó lập ở mười đế v.v... cho đến mỗi mỗi pháp viên dung vô tận.